

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU ĐÃ SỬ DỤNG S95



Sản xuất được bê tông khối lớn do
GIẢM NHIỆT THỦY HÓA CỦA BÊ TÔNG

Sản xuất được bê tông bền nước biển do **TĂNG ĐỘ CHỐNG THẤM CỦA BÊ TÔNG**, hạn chế xâm thực clo và sunphat

GIẢM GIÁ THÀNH BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM do thay thế 30-40% xi măng PCB40 bởi S95 với chi phí thấp hơn

Giảm hàm lượng clinker trong xi măng, nhờ đó làm giảm lượng phát thải CO₂, **GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Sản xuất được bê tông chịu nhiệt do **TĂNG ĐỘ BỀN NHIỆT CHO BÊ TÔNG**

S95 HÒA PHÁT - PHỤ GIA BỀN CHẮC CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

ỨNG DỤNG CỦA S95

- PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG
- PHỤ GIA CHO XI MĂNG
- PHỤ GIA CHO VỮA XÂY TRÁT

- GIA CỐ NỀN ĐẤT YẾU
- CẢI TẠO ĐẤT

ĐẠT TIÊU CHUẨN • QCVN 16: 2023/BXD của Việt Nam • BS EN 15167-1:2006 của Anh Quốc



TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Văn phòng giao dịch: 66 Nguyễn Du, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Nhà máy 1: Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát, P. Phạm Sư Mạnh, Tỉnh Hải Phòng
Nhà máy 2: Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi
ĐT: 0913.984.666 / 0914.140.798 | 0934.415.892 | Website: hoaphat.com.vn

11.13000 ĐỊNH MỨC CẤP PHỐI VỮA BÊ TÔNG
SỬ DỤNG XI MĂNG PCB40 VÀ XỈ HẠT LÒ CAO NGHIỀN MỊN S95

11.13100 ĐỘ SỤT 12 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m ³ vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m³)	Đá dăm (m³)	Nước (lít)	Phụ gia
11.13121	Đá d _{max} = 20mm	150	176	75	0,654	0,720	173	dẻo hóa
11.13122		200	196	84	0,616	0,735	169	dẻo hóa
11.13123		250	223	96	0,592	0,732	170	dẻo hóa
11.13124		300	246	105	0,574	0,729	172	siêu dẻo
11.13125		350	270	116	0,552	0,735	171	siêu dẻo
11.13126		400	297	127	0,538	0,728	169	siêu dẻo
11.13127		450	325	139	0,516	0,721	172	siêu dẻo

11.13200 ĐỘ SỤT 14 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m ³ vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m³)	Đá dăm (m³)	Nước (lít)	Phụ gia
11.13222	Đá d _{max} = 20mm	200	188	80	0,599	0,794	166	dẻo hóa
11.13223		250	230	99	0,586	0,724	176	dẻo hóa
11.13224		300	256	110	0,561	0,728	177	siêu dẻo
11.13225		350	281	120	0,542	0,727	175	siêu dẻo
11.13226		400	306	131	0,528	0,730	170	siêu dẻo
11.13227		450	331	142	0,510	0,728	169	siêu dẻo
11.13228		500	345	148	0,513	0,722	166	siêu dẻo

11.13300 ĐỘ SỤT 16 ± 2 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m ³ vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m³)	Đá dăm (m³)	Nước (lít)	Phụ gia
11.13324	Đá d _{max} = 20mm	300	263	113	0,545	0,765	171	siêu dẻo
11.13325		350	284	122	0,526	0,757	178	siêu dẻo
11.13326		400	317	136	0,511	0,734	179	siêu dẻo
11.13327		450	342	147	0,512	0,730	160	siêu dẻo
11.13328		500	358	153	0,507	0,723	147	siêu dẻo

11.13400 ĐỘ SỤT 19 ± 1 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m ³ vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m³)	Đá dăm (m³)	Nước (lít)	Phụ gia
11.13426	Đá d _{max} = 20mm	400	319	130	0,519	0,722	168	siêu dẻo
11.13427		450	343	147	0,509	0,714	160	siêu dẻo
11.13428		500	362	155	0,491	0,712	167	siêu dẻo
11.13429		550	371	159	0,491	0,709	132	siêu dẻo

11.13500 ĐỘ XÒE 60 ÷ 70 CM

Mã hiệu	Loại vật liệu - quy cách	Mác bê tông	Vật liệu dùng cho 1m ³ vữa bê tông					
			Xi măng (kg)	Xi lò cao S95 (kg)	Cát vàng (m³)	Đá dăm (m³)	Nước (lít)	Phụ gia
11.13525	Đá d _{max} = 10mm	350	333	143	0,583	0,717	167	siêu siêu dẻo
11.13526		400	369	158	0,568	0,697	166	siêu siêu dẻo
11.13527		450	371	159	0,556	0,678	167	siêu siêu dẻo
11.13528		500	389	166	0,527	0,681	172	siêu siêu dẻo
11.13529		550	466	200	0,477	0,703	147	siêu siêu dẻo

Ghi chú: Định mức cấp phối vữa bê tông chống thấm nước sử dụng xi măng PCB40 và xỉ hạt lò cao nghiền mịn S95 không cần điều chỉnh vì các cấp phối này đã đạt độ chống thấm: M250-B10; M300-B10; M350-B10; M400-B12; M450-B12; M500-B12; M550-B12.